

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	Điền Tuấn Anh	DH20OT			7.0	6.7	6.7	6.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	20154082	Nguyễn Phúc Hoàng Anh	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	20154006	Nguyễn Xuân Bách	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	20154085	Huỳnh Gia Bảo	DH20OT			6.0	7.0	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	20154086	Nguyễn Trần Nhật Bảo	DH20OT			6.0	6.0	6.0	6.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	20154088	Lưu Văn Bình	DH20OT			7.0	6.0	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	20154090	Võ Thiện Chí	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	20154010	Lê Quang Công	DH20OT			7.0	6.5	6.4	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	20154092	Nguyễn Thành Công	DH20OT			7.0	6.0	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	20154097	Nguyễn Tấn Danh	DH20OT			7.5	7.3	7.6	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	20154112	Huỳnh Khánh Duy	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	20154114	Nguyễn Thành Duy	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	20154115	Nguyễn Thành Duy	DH20OT			7.5	7.3	7.6	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	20154014	Quách Dương	DH20OT			8.0	7.0	7.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	20154101	Phạm Đình Thành Đạt	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	20154103	Dương Quốc Đông	DH20OT			7.0	6.7	6.7	6.8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ chế tạo máy (207137) - 02

CBGD: Đăng Thiên Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
17	20154105	Nguyễn Trọng Đức	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
18	20154106	Nguyễn Văn Đức	DH20OT			7.5	7.0	7.6	7.5	0012345678910	0123456789
19	20154117	Lê Tuấn Trường	DH20OT			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
20	20154121	Trương Văn Hào	DH20OT			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
21	20154122	Vũ Anh Hào	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
22	20154022	Hồ Hoàng Hào	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
23	20154123	Hoàng Hồng Hậu	DH20OT			8.0	6.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
24	20154124	Phạm Nguyễn Quốc Hậu	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
25	20154126	Võ Công Hiến	DH20OT			7.5	7.0	7.6	7.5	0012345678910	0123456789
26	20154127	Đặng Trung Hiếu	DH20OT			6.0	8.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
27	20154131	Huỳnh Vũ Hoài	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
28	20154133	Nguyễn Văn Hoàng	DH20OT			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
29	20154136	Nguyễn Thị Thu Hồng	DH20OT			7.5	7.5	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
30	20154141	Nguyễn Minh Huy	DH20OT			6.0	8.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
31	20154142	Nguyễn Vũ Nhật Huy	DH20OT			7.0	6.7	6.7	6.8	0012345678910	0123456789
32	20154024	Phùng Quốc Huy	DH20OT			6.5	7.0	6.4	6.5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ chế tạo máy (207137) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154145	Rơ Ô Ká	DH20OT			0	0	0	0.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	20154146	Nguyễn Quốc Khải	DH20OT			6.8	6.0	6.5	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	20154147	Dương Trí Khang	DH20OT			6.0	8.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	20154148	Châu Quốc Việt Khánh	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	20154149	Hoàng Lê Minh Khánh	DH20OT			7.3	7.5	7.6	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	20154150	Nguyễn Hoàng Bảo Khánh	DH20OT			7.0	6.0	6.5	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	20154152	Võ Nguyên Khôi	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	20154153	Nguyễn Văn Kiên	DH20OT			7.0	8.0	7.5	7.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	20154155	Mai Thanh Lâm	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	20154158	Hoàng Kim Lân	DH20OT			6.5	6.0	6.6	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	20154159	Nguyễn Công Linh	DH20OT			8.0	6.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	20154164	Nguyễn Công Lý	DH20OT			7.0	0.0	0.0	1.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	20154165	Nguyễn Tiến Mạnh	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	20154166	Nguyễn Văn Minh	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Đăng Thiên Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	20154168	Đậu Phương Nam	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	20154169	Nguyễn Thành Nam	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	20154170	Trần Thanh Nam	DH20OT			6.5	7.5	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	20154176	Phạm Trọng Công Nghĩa	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	20154172	Trần Trung Nghị	DH20OT			7.0	8.0	7.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	20154173	Bùi Tá Nghĩa	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	20154174	Nguyễn Tiến Nghĩa	DH20OT			8.0	7.0	7.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	20154175	Nguyễn Trung Nghĩa	DH20OT			7.0	8.0	7.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	20154178	Nguyễn Văn Nhựt Nguyên	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	20154179	Trương Quốc Nguyễn	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	20154183	Cao Nguyễn Thành Phát	DH20OT			6.5	6.0	6.6	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	20120077	Đinh Công Đại Phát	DH20OT			8.0	7.0	7.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	20153112	Đoàn Hoàng Phúc	DH20CD			7.0	6.6	6.7	6.7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	20153113	Lê Văn Phúc	DH20CD			6.6	7.0	6.7	6.7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	20154193	Thái Trần Hồng Phúc	DH20OT			8.0	7.0	7.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	20154195	Phùng Thanh Phước	DH20OT			6.8	6.0	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ chế tạo máy (207137) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	20154196	Nguyễn Hoài Phương	DH200T			6.0	7.0	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
66	20154202	Nguyễn Thế Quang	DH200T			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
67	20154197	Đỗ Anh Quân	DH200T			6.8	6.0	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
68	20154198	Đỗ Hoàng Quân	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
69	20154205	Trần Hữu Quốc	DH200T			7.5	6.5	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
70	20154208	Đào Minh Quyết	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
71	20154049	Phạm Ngọc Diễm Quỳnh	DH200T			6.0	8.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
72	20154210	Nguyễn Đỗ Hữu Sang	DH200T			6.5	6.0	6.6	6.5	0012345678910	0123456789
73	20154213	Nguyễn Tiến Sĩ	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
74	20154055	Huỳnh Thanh Tâm	DH200T			8.0	6.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
75	20154216	Huỳnh Duy Tân	DH200T			7.5	6.5	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
76	20154218	Nguyễn Quang Thành	DH200T			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
77	20154220	Nguyễn Hoàng Thiện	DH200T			7.0	6.5	6.4	6.5	0012345678910	0123456789
78	20154062	Huỳnh Minh Thông	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
79	20154224	Chau Chanh Thu	DH200T			7.5	7.5	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
80	20154228	Hà Hữu Tịnh	DH200T			7.4	7.6	7.5	7.5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ chế tạo máy (207137) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
81	20154229	Nguyễn Quốc Trãi	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
82	20154230	Nguyễn Hữu Trí	DH200T			7.5	7.5	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
83	20154231	Nguyễn Hữu Trí	DH200T			8.0	6.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
84	20154232	Phạm Minh Trí	DH200T			6.0	8.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
85	20154233	Đỗ Ngọc Triết	DH200T			6.5	6.5	6.5	6.5	0012345678910	0123456789
86	20154234	Đặng Bình Triệu	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
87	20154235	Nguyễn Hồ Quốc Trung	DH200T			6.5	7.5	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
88	20154236	Bùi Văn Trường	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
89	20154237	Nguyễn Xuân Trường	DH200T			7.0	6.0	6.9	6.7	0012345678910	0123456789
90	20154238	Lê Hoàng Tuấn	DH200T			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
91	20154240	Trần Nhật Tuấn	DH200T			8.4	8.6	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
92	20154075	Nguyễn Tuấn Vũ	DH200T			7.0	6.0	6.5	6.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

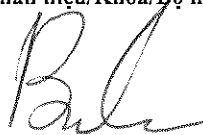
Cán bộ coi thi 2

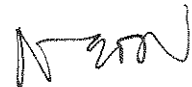
Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đặng Thiện Ngôn


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Đặng Thiện Ngôn

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Đặng Thiên Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154080	Lê Tuấn Anh	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	20154081	Nguyễn Phan Ngọc Anh	DH20OT			7.5	7.3	7.6	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	20154005	Nguyễn Tuấn Anh	DH20OT			7.5	6.7	7.7	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	20154087	Abdul Bari	DH20OT			6.0	6.0	6.0	6.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	20154089	Phạm Thái Bình	DH20OT			6.0	6.0	6.0	6.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	20154091	Nguyễn Quốc Công	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	20154093	Hồ Chí Cường	DH20OT			7.5	6.7	7.7	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	20154108	Nguyễn Trung Dũng	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	20154113	Lê Hoàng Đức Duy	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	20154111	Nguyễn Văn Dương	DH20OT			7.5	8.5	8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	20154102	Đặng Thiệu Đình	DH20OT			8.6	8.4	8.5	8.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	20154134	Nguyễn Võ Huy Hoàng	DH20OT			7.3	7.5	7.6	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	20154137	Phan Quý Hùng	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	20154140	Bùi Thanh Huy	DH20OT			8.0	6.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	20154144	Trần Gia Huy	DH20OT			8.0	8.0	8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	20154138	Nguyễn Minh Hưng	DH20OT			7.0	6.0	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ chế tạo máy (207137) - 03

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154139	Trần Hữu Hưng	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	20154151	Trần Mạc Anh Khoa	DH20OT			0	0	0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	20154160	Trần Ngọc Linh	DH20OT			7.3	7.5	7.6	7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	20154171	Nguyễn Trọng Nghị	DH20OT			7.0	6.0	6.9	6.7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	20154181	Phạm Hoàng Nhân	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	20154186	Vũ Thịnh Phát	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	20154187	Âu Thiên Phú	DH20OT			8.0	7.0	7.5	7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	20154188	Cao Quan Phú	DH20OT			7.5	6.7	7.7	7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	20154189	Cao Thế Phú	DH20OT			8.0	6.0	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	20154191	Nguyễn Hoàng Phúc	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	20154201	Huỳnh Ngọc Quang	DH20OT			8.5	8.5	8.5	8.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	20154200	Nguyễn Mạnh Quân	DH20OT			7.6	7.4	7.5	7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	20154203	Hồ Văn Ngọc Quý	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	20154206	Huỳnh An Quyền	DH20OT			7.5	6.5	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	20154207	Nguyễn Thế Quyền	DH20OT			6.5	6.5	6.5	6.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	20154209	Trần Chí Quyết	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ chế tạo máy (207137) - 03

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	20154211	Nguyễn Ngọc Phát Sang	DH20OT			0	0	0	0.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	20154212	Nguyễn Thanh Sang	DH20OT			7.0	7.0	7.0	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	20154219	Nguyễn Tiền Thanh	DH20OT			6.0	8.0	7.0	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	20154221	Nguyễn Thanh Thiện	DH20OT			6.0	6.0	6.0	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	20154222	Phan Hữu Thiện	DH20OT			6.0	6.0	6.0	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	20154226	Nguyễn Đặng Tiền	DH20OT			6.4	7.0	6.6	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	20154239	Phạm Minh Tuấn	DH20OT			7.0	6.0	6.9	6.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	20154241	Trương Quang Tuấn	DH20OT			7.0	6.4	6.6	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	20154242	Cao Trọng Văn	DH20OT			6.8	6.5	6.6	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

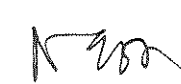
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

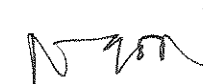
Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đặng Thiện Ngôn


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Đặng Thiện Ngôn



Mã nhận dạng 03537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị chế biến hạt ngũ cốc(208241

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	Anh		8,5	2,8	7,0	6,5	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	Hoàng		7,0	6,3	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	Bao		8,5	7,3	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	Ch		7,0	5,8	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dũng	DH18CC	Dung		6,0	5,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	Phuc		6,0	4,8	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
7	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC	Anh		6,0	5,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
8	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	Dung		6,0	5,8	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
9	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC	Thanh		7,0	6,3	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
10	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC	Dat		7,0	5,5	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
11	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC	Thanh		7,5	6,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
12	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC		✓					0012345678910	0123456789
13	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	Xuan		6,0	5,3	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
14	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC	Hiep		6,0	4,0	6,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	Trong		6,0	3,8	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
16	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC	Khoa		7,0	5,8	5,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị chế biến hạt ngũ cốc(208241

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 06/07/2022

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 70 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			6,0	3,0	6,5	5,7	0012345678910	0123456789
18	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			7,5	4,3	9,0	7,8	0012345678910	0123456789
19	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			7,5	2,3	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
20	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			7,5	5,5	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
21	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			6,0	5,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
22	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			8,5	6,3	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
23	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			7,0	5,3	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
24	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			7,0	6,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
25	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			7,5	5,0	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
26	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			6,0	4,8	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
27	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			8,0	4,3	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
28	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			8,0	3,0	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
29	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			7,5	5,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
30	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			8,5	7,3	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
31	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			6,0	3,0	8,5	6,9	0012345678910	0123456789
32	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			8,0	4,5	7,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị chế biến hạt ngũ cốc(202241

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01 Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 06/07/2022 Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118137	Nguyễn Hoàng Thề	DH18CC			7,0	3,0	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
34	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			8,0	5,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
35	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC		✓					0012345678910	0123456789
36	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			8,0	2,3	8,0	6,9	0012345678910	0123456789
37	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			7,0	4,8	6,5	5,7	0012345678910	0123456789
38	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			7,5	3,5	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
39	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			7,0	4,5	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
40	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			7,0	4,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
41	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			7,0	2,3	6,0	5,5	0012345678910	0123456789
42	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			7,0	5,8	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
43	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			8,5	6,3	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
44	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			7,0	4,3	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
45	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			7,0	5,8	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
46	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			7,5	6,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
47	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			7,5	5,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
48	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			6,0	7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Công nghệ & thiết bị chế biến hạt ngũ cốc(2 08241 Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH18CC_01 Tổ Thi 001_DH18CC_01 Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính
Ngày Thi 06/07/2022 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 46 Số sinh viên vắng 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Kaduc
Tê Văn Tuấn

linh Thinh Thuan

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 03538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh	1	7,5	2,8	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	M	1	7,0	2,8	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	B	1	8,0	3,2	8,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	B	1	8,0	6,4	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	B	1	7,5	4,0	8,0	7,1	0012345678910	0123456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca	1	9,0	1,8	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
7	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	C	1	8,0	6,4	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
8	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	C	1	7,5	4,4	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
9	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	Chiến	1	8,0	4,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
10	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	C	1	7,5	4,6	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
11	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC	C	1	8,5	6,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
12	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	D	1	9,5	5,6	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
13	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	D	1	8,5	3,8	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
14	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	D	1	8,5	5,2	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
15	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC	D	1	7,0	2,4	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
16	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC	D	1	8,0	3,2	6,5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	Đạo	1	8,0	4,4	7,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	Đạt	1	8,0	4,4	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
20	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC	Đạt	1	8,0	5,8	4,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC	Đạt	1	8,0	2,6	7,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
22	19118039	Bùi Ngọc Diệp	DH19CC	Diệp	1	8,0	4,2	6,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
23	19118041	K' Đông	DH19CC	Đông	1	7,5	5,6	7,0	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
24	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC	Hải	1	8,0	5,8	8,5	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
25	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC	Hào	1	7,5	4,6	6,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
26	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC	Hào	1	8,0	5,0	8,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
27	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC	Hậu	1	8,0	7,0	9,0	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
28	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC	Hậu	1	8,5	6,6	8,0	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
29	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC	Hoàng	1	9,0	3,8	7,0	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
30	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC	Hội	1	8,0	5,4	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
31	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC	Huy	1	7,0	4,2	7,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
32	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC	Huy	1	8,0	5,6	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



Mã nhận dạng 03538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC		1	8,0	7,8	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
34	19118095	Nguyễn Quang	DH19CC		1	7,5	5,0	6,0	6,1	0012345●78910	0●123456789
35	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC		1	7,5	3,2	6,5	6,0	0012345●78910	●123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 0.1

Ngày ____ Tháng ____ Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh

Lê Văn Thành Thiên

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 03539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			9,0	4,4	9,0	8,1	001234567●910	0●23456789
2	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			8,0	5,0	7,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
3	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			8,0	6,2	9,5	8,5	001234567●910	01234●6789
4	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC			7,5	6,0	8,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
5	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC			7,0	3,8	7,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
6	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			9,0	4,8	8,5	7,9	00123456●8910	012345678●
7	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			9,5	3,6	7,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
8	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			8,5	5,0	7,0	6,9	0012345●78910	012345678●
9	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			8,0	5,0	7,0	6,8	0012345●78910	01234567●9
10	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			8,5	5,0	6,0	6,3	0012345●78910	012●456789
11	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			8,0	6,2	8,0	7,6	00123456●8910	012345●789
12	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			8,0	5,8	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
13	19118134	Lý Kim Luận	DH19CC			8,5	5,0	8,0	7,5	00123456●8910	01234●6789
14	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			8,5	4,8	6,0	6,3	0012345●78910	012●456789
15	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			8,0	3,8	6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
16	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			8,0	3,0	6,5	6,1	0012345●78910	0●23456789



Mã nhận dạng 03539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118146	Thạch Minh	DH19CC			9,0	2,0	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
18	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			8,0	4,6	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
19	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			7,0	4,0	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
20	19118159	Đình Quang Nguyên	DH19CC			8,0	3,4	6,0	5,9	0012345678910	0123456789
21	19118160	Trần Bá	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
22	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
23	19118162	Nguyễn Duy Trọng	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
24	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			8,0	6,2	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
25	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			7,0	6,4	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
26	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			9,0	5,8	7,5	5,7	0012345678910	0123456789
27	19118177	Nguyễn Trường	DH19CC			8,5	3,8	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
28	19118178	Phạm Hoàng	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
29	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			9,5	3,6	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
30	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			9,5	5,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
31	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			7,0	4,8	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
32	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			8,0	5,8	6,0	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC	Quân		8,5	5,2	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
34	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC	Sang		8,0	3,4	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
35	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	Tài		7,0	3,6	7,0	6,3	0012345678910	0123456789
36	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
37	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC	Tấn		7,0	3,6	6,5	6,0	0012345678910	0123456789
38	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	Thanh		7,0	5,4	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
39	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	Thanh		7,5	2,4	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
40	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC	Thắng		8,0	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
41	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC	Thắng		7,0	2,8	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
42	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC	Thiện		8,5	5,4	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
43	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	Thuận		9,5	3,6	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
44	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC	Thư		8,0	6,2	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
45	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC	Thức		7,0	5,4	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
46	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC	Tiên		7,0	4,4	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
47	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiên	DH19CC	Tiên		8,0	5,2	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
48	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC	Tiến		7,5	3,2	7,5	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118243	Nguyễn Tấn	Tịnh	Tinh		8,5	5,2	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
50	19118244	Nguyễn Phúc	Toại	Toai		8,0	6,2	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
51	19118246	Nguyễn Văn	Toàn	Toan		7,0	3,6	7,0	6,3	0012345678910	0123456789
52	19118247	Trương Hữu	Toàn		✓					0012345678910	0123456789
53	19118245	Nguyễn Văn	Toán	Van		8,0	5,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
54	19118251	Trần Thị Thiên	Trang	Thien		8,0	5,4	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
55	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trân	Tran		8,0	4,2	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
56	19118254	Huỳnh Như	Trọng	Ngong		9,0	5,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
57	19118258	Vũ Đình	Trung	Trung		9,0	5,6	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
58	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	Nhat		8,0	5,6	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
59	19118262	Thái Văn	Trường	Thai		9,0	8,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
60	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuân	Tran		7,0	4,0	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
61	19118263	Võ Văn	Tư	Vu		9,0	6,0	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
62	19118278	Phan Văn	Vinh	Vinh		6,0	2,8	6,0	4,2	0012345678910	0123456789
63	19118279	Bùi Bá	Vũ	Bai		8,0	3,2	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
64	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	Vu		7,5	5,8	5,5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03539

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(207242)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 04/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			8,0	5,4	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
66	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			8,0	3,8	7,0	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 60 Số sinh viên vắng 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công Chính

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			6.0	6.1	6.3	6.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			6.5	6.5	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			7.0	6.4	7.2	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			7.0	6.4	7.2	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			7.5	7.2	7.6	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			6.0	6.1	6.8	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			7.5	7.2	7.6	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			6.0	6.1	6.8	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			6.5	6.5	6.5	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			6.0	6.1	6.3	6.2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			7.5	7.5	7.0	7.2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			8.0	8.0	8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đăng Thiên Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
18	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
19	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			7.5	7.2	7.6	7.5	○0①23456789⑩	①②34●6789
20	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
21	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			7.0	6.4	7.2	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
22	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			6.4	7.0	7.2	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
23	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			6.0	6.1	6.8	6.5	○0①23456789⑩	①②345●6789
24	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			6.0	6.1	6.3	6.2	○0①23456789⑩	①②3456789
25	18153050	Nguyễn Minh Nhật	DH18CD			6.4	7.0	7.2	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
26	18153051	Trần Minh Nhật	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
27	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			6.4	7.0	7.2	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
28	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			8.0	8.0	8.0	8.0	○0①23456789⑩	●①23456789
29	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
30	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			8.0	8.0	8.0	8.0	○0①23456789⑩	●①23456789
31	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	○0①23456789⑩	●①23456789
32	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			7.5	7.5	7.0	7.2	○0①23456789⑩	①②3456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 01

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			7.2	6.5	7.1	7.0	0012345678910	0123456789
34	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD			7.2	6.5	7.1	7.0	0012345678910	0123456789
35	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			7.2	6.5	7.1	7.0	0012345678910	0123456789
36	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
37	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
38	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			8.5	8.5	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
39	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			6.7	7.0	6.6	6.7	0012345678910	0123456789
40	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			6.5	6.5	6.5	6.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

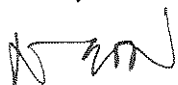
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Các nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đặng Thiện Ngôn


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Đặng Thiện Ngôn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			6.0	6.7	6.6	6.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			6.3	6.2	7.0	6.7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			0	0	0	0.0	○ ● ○	● ○
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			7.1	7.2	6.9	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
7	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			6.0	6.4	6.7	6.5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
9	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
10	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
11	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
12	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
13	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			7.0	7.1	7.3	7.2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			7.1	7.2	6.9	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
15	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○
16	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
18	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
19	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			7.0	7.1	7.3	7.2	0012345678910	0123456789
20	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD			7.1	7.2	6.9	7.0	0012345678910	0123456789
21	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
22	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
23	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD			7.0	7.1	7.3	7.2	0012345678910	0123456789
24	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
25	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD			6.7	7.0	6.6	6.7	0012345678910	0123456789
26	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
27	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			6.3	6.2	7.0	6.7	0012345678910	0123456789
28	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
29	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
30	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			7.0	6.4	7.2	7.0	0012345678910	0123456789
31	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			6.0	6.4	6.7	6.5	0012345678910	0123456789
32	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			7.0	6.4	7.2	7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			0	0	0	0.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			7.0	6.4	7.2	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	19138059	Nguyễn Thành Phẩm	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			8.5	8.5	8.5	8.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			6.3	6.2	7.0	6.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	19138066	Mai Văn Quyển	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			7.5	7.5	7.0	7.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật đo lường, cảm biến (207503) - 02

CBGD: Đặng Thiện Ngôn (T574)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			6.0	6.7	6.6	6.5	0012345678910	0123456789
50	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			6.0	6.7	6.6	6.5	0012345678910	0123456789
51	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			8.5	8.5	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
52	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
53	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
54	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
55	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			6.7	7.0	6.6	6.7	0012345678910	0123456789
56	19138079	Cao Quốc Tinh	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
57	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD			0	0	0	0.0	0012345678910	0123456789
58	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			6.0	6.4	6.7	6.5	0012345678910	0123456789
59	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
60	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
61	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789
62	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			7.0	7.0	7.0	7.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Kác nhận của Phân hiệu/Khoa/Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Thiện Ngôn

Ngày in : 22/09/2022 14:54

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Đặng Thiện Ngôn



Mã nhận dạng 03553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		7,0	10	8,0	8,2	001234567●910	01●3456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	M		9,0	7,0	9,0	8,6	001234567●910	012345●789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	B		6,0	9,0	6,0	6,6	0012345●78910	012345●789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	B		7,5	9,0	6,0	6,9	0012345●78910	012345678●
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	B		4,0	5,0	4,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
6	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		6,5	10	5,0	6,3	0012345●78910	012●456789
7	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	C		6,0	10	7,0	7,4	00123456●8910	0123●56789
8	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	Chiến		9,0	10	8,5	8,9	001234567●910	012345678●
9	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	D		9,0	8,0	5,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
10	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	D		6,8	8,5	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
11	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC	D		4,0	6,0	2,0	3,2	0012●45678910	01●3456789
12	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC	P		6,0	6,0	5,5	5,7	001234●678910	0123456●89
13	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC	V						●012345678910	0123456789
14	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	D		9,0	8,5	8,0	8,3	001234567●910	012●456789
15	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	D		5,0	5,0	4,0	4,4	00123●5678910	0123●56789
16	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL	D		5,0	7,5	8,5	7,6	00123456●8910	012345●789



Mã nhận dạng 03553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			8,0	6,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
18	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			6,0	9,0	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
19	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			6,0	9,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
20	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			0,0	10	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
21	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			0,0	10	9,5	7,7	0012345678910	0123456789
22	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			0,0	9,5	6,5	5,8	0012345678910	0123456789
23	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			0,0	7,5	8,0	6,3	0012345678910	0123456789
24	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			0,0	9,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789
25	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			6,0	9,5	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
26	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			7,0	9,0	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
27	19118087	Đỗ Quốc Vượng	DH19CC							0012345678910	0123456789
28	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			9,0	10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
29	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			6,0	7,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
30	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			5,0	5,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
31	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			5,0	10	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
32	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			7,5	8,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 001_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118102	Nguyễn Văn Khá	DH19CC			9,0	10	9,0	9,2	0012345678●10	01●3456789
34	19118103	Mai Hoàng Khải	DH19CC			8,0	9,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
35	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC			6,0	9,0	3,0	4,8	00123●5678910	01234567●9

Số sinh viên dự thi 3, Số sinh viên vắng 2...

Ngày ____ Tháng ____ Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N. V. Kiệp

Võ Huy Thịnh

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày in : 06/06/2022



Mã nhận dạng 03554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118105	Lý Nhật Khang	DH19CC			9,0	6,0	9,0	8,4	001234567●910	0123●56789
2	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			5,0	9,0	3,0	4,6	00123●5678910	012345●789
3	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			9,0	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
4	19118115	Phù Thiết Ki	DH19CC						Y	●012345678910	0123456789
5	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			9,0	9,5	3,5	5,8	001234●678910	01234567●9
6	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			8,0	0,0	2,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
7	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			6,0	10	4,5	5,9	001234●678910	012345678●
8	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			9,0	10	8,5	8,9	001234567●910	012345678●
9	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			6,0	7,0	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
10	19118134	Lý Kim Luận	DH19CC			7,0	10	5,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
11	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			6,0	7,0	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
12	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			7,0	9,5	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
13	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			0,0	10	6,5	5,9	001234●678910	012345678●
14	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			4,0	4,0	2,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
15	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			5,0	9,0	7,5	7,3	00123456●8910	012●456789
16	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			0,0	4,0	1,0	1,4	00●2345678910	0123●56789



Mã nhận dạng 03554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19118162	Nguyễn Duy Trọng	DH19CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19118164	Trần Thanh	DH19CC	<i>nhac</i>		9,0	8,5	9,5	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
20	19118170	Nguyễn Hoàng	DH19CC	<i>Thi</i>		8,0	9,0	6,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19118173	Bùi Trung	DH19CC	<i>ph</i>		0,0	10	4,0	3,2	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	19118177	Nguyễn Trường	DH19CC	<i>h</i>		0,0	10	6,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
23	19118178	Phạm Hoàng	DH19CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19118179	Nguyễn Lê	DH19CC	<i>Zepp</i>		9,0	9,5	7,0	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
25	17153057	Nguyễn Đức	DH17CD	<i>h</i>		0,0	9,5	7,5	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
26	19118182	Lê Đình	DH19CC	<i>Phước</i>		8,0	8,0	7,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
27	19118188	Bùi Nguyễn	DH19CC	<i>an</i>		7,5	10	8,5	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
28	19118185	Nguyễn Hoàng	DH19CC	<i>h</i>		7,5	0,0	2,5	3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19118186	Nguyễn Ngọc	DH19CC	<i>Quân</i>		4,0	9,5	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
30	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL	<i>ph</i>		5,0	5,0	2,0	3,2	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
31	19118195	Phạm Thành	DH19CC	<i>ph</i>		7,5	10	2,0	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
32	18118120	Lê Tấn	DH18CC	<i>h</i>		0,0	10	4,0	4,4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC	Tài		8,0	6,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
34	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC						✓	0012345678910	0123456789
35	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC	Tấn		9,0	10	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
36	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC	Thanh		8,0	9,5	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
37	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC	Thanh		7,5	6,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
38	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC	Thắng		8,0	9,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
39	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC	Thắng		6,0	9,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
40	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC	Thiện		7,0	8,5	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
41	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC	Thư		9,0	10	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
42	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC	Thức		8,0	8,5	2,5	3,2	0012345678910	0123456789
43	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC	Tiên		6,0	9,5	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
44	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC	Tiến		7,5	6,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
45	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC	Tiến		9,0	6,5	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
46	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC	Tịnh		6,0	10	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
47	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC	Toại		7,5	9,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
48	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC	Toàn		7,0	10	5,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC						✓	●0012345678910	00123456789
50	19118245	Nguyễn Văn	DH19CC	<i>TV</i>		7,5	9,0	9,0	8,7	○001234567●910	00123456●89
51	19118251	Trần Thị Thiên	DH19CC	<i>Thiên</i>		6,0	6,0	7,5	6,9	○0012345●78910	0012345678●
52	19118250	Huỳnh Trần Bảo	DH19CC	<i>W</i>		6,0	5,0	4,0	4,6	○00123●5678910	0012345●789
53	19118254	Huỳnh Như	DH19CC	<i>Trọng</i>		5,0	10	9,0	8,4	○001234567●910	00123●56789
54	19118258	Vũ Đình	DH19CC	<i>Đình</i>		8,0	10	5,5	6,9	○0012345●78910	0012345678●
55	19118260	Nguyễn Nhật	DH19CC	<i>Ng</i>		6,0	10	8,5	8,3	○001234567●910	0012●456789
56	19118262	Thái Văn	DH19CC	<i>ML</i>		7,5	10	9,5	9,2	○0012345678●10	001●3456789
57	19118269	Trần Nguyễn Đức	DH19CC	<i>Đ</i>		5,0	9,0	5,5	6,1	○0012345●78910	0●23456789
58	19118263	Vô Văn	DH19CC	<i>TV</i>		0,0	10	2,5	3,5	○0012●45678910	001234●6789
59	19118278	Phan Văn	DH19CC	<i>Vinh</i>		0,0	9,5	2,0	3,1	○0012●45678910	0●23456789
60	19118279	Bùi Bá	DH19CC	<i>Ba</i>		7,0	6,0	1,0	3,2	○0012●45678910	001●3456789
61	19118280	Nguyễn Hoàng	DH19CC	<i>Va</i>		4,0	10	2,0	4,0	○00123●5678910	●123456789
62	19118284	Lâm Tuấn	DH19CC	<i>LT</i>		7,0	9,0	5,5	6,5	○0012345●78910	001234●6789
63	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	DH19CC	<i>Ph</i>		6,0	6,0	3,0	4,2	○00123●5678910	001●3456789



Mã nhận dạng 03554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ sở hệ thống thủy lực & khí nén(207535)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_02

Tổ Thi 002_DH19CC_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi... Số sinh viên vắng...

Ngày ____ Tháng ____ Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường

Bộ môn/Khoa

Nguyễn Văn Công Chính